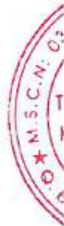


BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần CMVIETNAM) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 19 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ, thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tên miền website và địa chỉ email Công ty, trong đó thay đổi lần 19 ngày 05 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 357 38555
- Fax : 024 385 64666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Ngày 05 tháng 5 năm 2023
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên độc lập	Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014 Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2015
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

Số: 2.0085/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh Báo cáo tài chính số VIII.3 về việc Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 liên quan đến nghĩa vụ thuế phát sinh theo Biên bản kiểm tra thuế thời kỳ năm 2022 và năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội**

Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc*Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1**Người được ủy quyền**Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2025*

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên*Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		454.830.383.965	335.421.656.307
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.412.267.299	56.723.924.579
1. Tiền	111		7.842.267.299	43.708.794.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		570.000.000	13.015.129.821
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.285.547.784	18.432.781.099
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	13.285.547.784	18.432.781.099
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		314.698.693.573	180.440.243.569
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	36.943.091.279	71.386.041.421
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.001.031.733	7.018.682.870
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1.136.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	317.587.777.619	145.004.726.336
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(42.969.207.058)	(42.969.207.058)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		103.957.158.087	67.120.006.688
1. Hàng tồn kho	141	V.7	103.957.158.087	67.120.006.688
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.476.717.222	12.704.700.372
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		376.170.445	1.595.854.403
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.922.198.646	9.045.670.800
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	3.178.348.131	2.063.175.169
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.553.117.063	99.213.846.864
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.397.760.979	9.198.971.542
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	23.397.760.979	9.045.471.542
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	153.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.677.746.240	26.250.564.659
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	20.581.131.240	26.135.567.789
- Nguyên giá	222		61.660.097.943	61.482.023.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.078.966.703)	(35.346.456.079)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	96.615.000	114.996.870
- Nguyên giá	228		361.455.000	361.455.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(264.840.000)	(246.458.130)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.088.280.713	3.336.680.713
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.088.280.713	3.336.680.713
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		58.795.483.433	58.795.483.433
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	62.954.570.000	62.954.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.159.086.567)	(4.159.086.567)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.593.845.698	1.632.146.517
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.593.845.698	1.632.146.517
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		568.383.501.028	434.635.503.171

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		305.194.419.371	176.998.989.759
I. Nợ ngắn hạn	310		162.140.825.567	158.380.906.934
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	64.974.630.446	52.889.464.182
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	18.757.156.089	58.755.897.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.285.565.658	4.437.758.306
4. Phải trả người lao động	314		3.221.679.439	2.163.698.632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	15.958.188.188	16.644.624.350
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.706.779.831	330.870.882
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	52.163.574.604	22.085.342.179
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.073.251.312	1.073.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		143.053.593.804	18.618.082.825
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10b	6.934.189.003	11.144.082.825
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	136.119.404.801	7.474.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		263.189.081.657	257.636.513.412
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	263.189.081.657	257.636.513.412
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.525.000.000	254.525.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.525.000.000	254.525.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(441.950.000)	(441.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.106.031.657	3.553.463.412
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.553.463.412	3.553.463.412
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.552.568.245	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		568.383.501.028	434.635.503.171

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	201.911.179.536	97.312.008.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		201.911.179.536	97.312.008.435
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	187.787.384.619	87.906.379.031
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.123.794.917	9.405.629.404
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.054.935.342	4.806.238.907
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.469.960.527	2.560.555.298
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.469.960.527	2.317.445.173
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.606.296.820	11.323.677.663
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.102.472.912	327.635.350
11. Thu nhập khác	31	VI.6	7.412.248.943	5.023.549.454
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.056.295.834	953.394.088
13. Lợi nhuận khác	40		6.355.953.109	4.070.155.366
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.458.426.021	4.397.790.716
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.905.857.776	1.482.539.287
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.552.568.245	2.915.251.429
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.458.426.021	4.397.790.716
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8; V.9	5.750.892.494	6.111.063.464
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(381.553)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(916.659.700)	(4.792.539.539)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.469.960.527	2.317.445.173
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.762.237.789	8.033.759.814
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(151.731.460.134)	24.429.334.398
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(36.837.151.399)	(58.633.464.472)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(30.051.550.131)	(10.226.779.124)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.257.984.777	(1.317.970.745)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.443.989.055)	(3.002.759.627)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(2.408.486.731)	(2.594.716.600)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(207.452.414.884)	(43.312.596.356)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.929.674.075)	(18.716.516.565)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(56.379.051.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.316.618.530	76.603.859.996
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	72.180.000.010
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.029.794.370	2.511.314.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		416.738.825	76.199.606.532

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	209.680.316.472	30.070.721.183
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(50.956.679.246)	(42.413.273.659)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		158.723.637.226	(12.342.552.476)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(48.312.038.833)	20.544.457.700
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	56.723.924.579	36.179.466.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		381.553	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.412.267.299	56.723.924.579

Người lập

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 121 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 104 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn kết} \\ \text{chuyển trong kỳ}^{(*)} \end{array}$$

(*) Giá vốn kết chuyển trong kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá vốn kết} \\ \text{chuyển trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng thực hiện trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình mua mới như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	4 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Đối với tài sản đã qua sử dụng, thời gian khấu hao được tính theo thời gian hữu dụng còn lại ước tính.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy: Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn; Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty chủ yếu là xây lắp công trình trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.474.394	1.790.225
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.836.792.905	43.707.004.533
Các khoản tương đương tiền (*)	570.000.000	13.015.129.821
(Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)		
Cộng	8.412.267.299	56.723.924.579

(*) Toàn bộ số dư tương đương tiền tại ngày 31/12/2024 đang được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ tài chính tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống tại các ngân hàng. Trong đó, số dư các khoản tiền gửi tại ngày 31/12/2024, số tiền 13.224.835.241 VND, đang được dùng để cầm cố cho các khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾	21.030.000.000	(4.159.086.567)	21.030.000.000	(4.159.086.567)
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường ⁽ⁱⁱ⁾	41.924.570.000	-	41.924.570.000	-
Cộng	62.954.570.000	(4.159.086.567)	62.954.570.000	(4.159.086.567)

- (i) Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam số 32/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 08 tháng 9 năm 2022 thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại do mục đích hoạt động không còn phù hợp và đề tái cơ cấu các khoản đầu tư. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội – Phòng Đăng ký kinh doanh đã có thông báo về việc Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương Mại đang làm thủ tục giải thể. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2024, việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương Mại vẫn chưa thực hiện được do chưa hoàn thành việc quyết toán và đóng mã số thuế tại cơ quan quản lý thuế.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 ngày 02 tháng 10 năm 2014, thay đổi lần thứ 04 ngày 19 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 3.421.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường, chiếm 68,44% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do: (i) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường (mã chứng khoán VCE, sàn giao dịch UPCOM) không có giao dịch trong năm 2024; và (ii) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa niêm yết và hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư không có giá giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Tình hình hoạt động của các công ty con

	Tình hình hoạt động
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Đang làm thủ tục giải thể.
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thu hẹp quy mô hoạt động

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm không phát sinh biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con.

Giao dịch với các công ty con

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch thuê máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường với số tiền là 1.036.400.000 VND (Năm trước là 380.000.000 VND).

Kế hoạch đầu tư

Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 04/4/2022 (“Hợp đồng khung số 19/2022”) giữa 03 bên, gồm các cổ đông của Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên A), Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên B) và Công ty (Bên C), Bên B và Bên C sẽ cùng thành lập một Công ty TNHH hai thành viên (“Công ty nhận chuyển nhượng dự án”) để Công ty này nhận chuyển nhượng và thực hiện Dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tỉnh Phú Thọ (“Dự án”), với tỷ lệ vốn góp của Bên B là 49% và Bên C là 51%. Trong vòng 90 ngày sau khi Dự án đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Dự án (đang do Bên B là chủ đầu tư) sẽ được chuyển nhượng cho Công ty nhận chuyển nhượng.

Theo Phụ lục số 04 ngày 01/06/2024, thời gian thực hiện đã được điều chỉnh như sau: Bên B phải hoàn thành các thủ tục để được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển nhượng Dự án, ký kết xong hợp đồng chuyển nhượng Dự án, bàn giao Dự án và đăng ký sang tên Quyền sử dụng đất của toàn bộ khu đất thực hiện Dự án cho Công ty nhận chuyển nhượng không muộn hơn ngày 30/9/2025.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.5)	14.438.572.726	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.2)	-	15.097.073.901
Công ty Cổ phần Tuần Huy Phú Thọ ^(*)	-	39.659.499.509
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	8.219.169.047	8.219.169.047
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	6.649.125.023	4.210.345.481
Các khách hàng khác	7.636.224.483	4.199.953.483
Cộng	36.943.091.279	71.386.041.421

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.2)	9.246.593.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.5)	5.598.159.028	-
Công ty Cổ phần Tuần Huy Phú Thọ ^(*)	6.045.949.951	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	2.507.059.000	1.571.609.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8	-	3.328.464.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	2.438.779.542
BQLDA Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	-	1.668.265.000
BQLDA Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	-	38.354.000
Cộng	23.397.760.979	9.045.471.542

^(*) Khoản phải thu theo Hợp đồng tổng thầu EPC số 1102-1/2022/HĐTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 (“Hợp đồng tổng thầu EPC 1102-1/2022”) giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tuần Huy Phú Thọ. Theo Hợp đồng này, Công ty nhận thực hiện Tổng thầu EPC: Thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án Khu nhà ở đô thị và tổ hợp văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho vay Ông Nguyễn Bá Trọng (nhân viên Công ty) theo Hợp đồng cho vay ngày 28/6/2024, thời hạn của khoản vay đến ngày 31/12/2024 và được gia hạn đến 28/2/2025, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>13.804.400.842</i>	<i>-</i>	<i>19.112.988.040</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	1.698.646	-	1.698.646	-
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	6.000.000	-	6.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	5.666.000	-	5.666.000	-
Tạm ứng của Bên liên quan	13.791.036.196	-	19.099.623.394	-
Ông Phạm Minh Phúc	-	-	417.690.702	-
Ông Kim Ngọc Nhân	-	-	65.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú	1.806.195.678	-	1.761.574.458	-
Ông Trần Văn Trung	1.013.770.000	-	1.563.770.000	-
Ông Nguyễn Văn Phi	3.600.083.942	-	4.769.083.942	-
Bà Đinh Thị Thuý	7.370.986.576	-	10.522.504.292	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>303.783.376.777</i>	<i>(39.850.706.013)</i>	<i>125.891.738.296</i>	<i>(39.850.706.013)</i>
Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	492.016.439	-	1.910.536.324	-
Tạm ứng của nhân viên	2.737.549.724	-	4.634.263.033	-
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ - đặt cọc (*)	128.714.083.848	-	75.106.900.239	-
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ - góp vốn hợp tác đầu tư (**)	130.015.404.801	-	-	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	172.500.000	-	1.009.279.730	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	(5.700.000.000)	5.700.000.000	(5.700.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	(12.610.656.272)	12.610.656.272	(12.610.656.272)
Ông Dương Ngọc Trường	1.292.500.000	-	1.292.500.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	-	1.604.183.530	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	508.615.952	-	483.369.427	-
Cộng	317.587.777.619	(39.850.706.013)	145.004.726.336	(39.850.706.013)

(*) Theo Hợp đồng khung số 19/2022 và các Phụ lục hợp đồng, Công ty sẽ đặt cọc để bảo đảm cho việc giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến Dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Dự án”). Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi ích khác tương ứng với 7%/năm tính trên số tiền đặt cọc và được tính hằng năm. Tiền đặt cọc có thể được thỏa thuận đối trừ nghĩa vụ thanh toán giữa các bên, hoặc được hoàn trả lại theo thỏa thuận.

(**) Là khoản vay ngân hàng để nộp 50% tiền sử dụng đất cho diện tích thửa đất 138.496 m2 theo Thông báo ngày 31/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Phú Thọ thay cho Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Khoản này được Công ty tính vào tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024/HĐHTĐT/CMH-THPT ngày 01/06/2024 (“Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024”). Toàn bộ giá trị khoản góp vốn này được đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024 giữa Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên A) với Công ty (Bên B), hai bên cùng góp vốn để hợp tác đầu tư, xây dựng và kinh doanh tại Dự án trên Khu đất bàn giao đợt 1 (diện tích 138.496 m²), với tổng mức đầu tư dự kiến là 527.974.000.000 VND, bên A góp 97.040.000.000 VND (tương đương 18,38%), bên B góp 430.934.000.000 VND (tương đương 81,62%), trong đó, góp từ nguồn vốn chủ sở hữu của Bên B là 73.588.000.000 VND (tương đương 13,94%). Lợi nhuận phân chia là Lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ vốn góp thực tế của mỗi bên vào hoạt động hợp tác đầu tư tính đến thời điểm phân chia lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Các khoản nợ sau đây đã được trích lập dự phòng với mức trích lập bằng 100% giá gốc:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	21.540.049.741
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	704.446.925	704.446.925
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	5.700.000.000
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	12.610.656.272
Các khách hàng khác	146.350.000	146.350.000
Cộng	42.969.207.058	42.969.207.058

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.576.851.660	-	4.406.038.432	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	101.380.306.427	-	62.713.968.256	-
Cộng	103.957.158.087	-	67.120.006.688	-

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo các công trình, dự án như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Cẩm Khê Central Park (*)	100.491.965.761	59.978.473.897
Dự án hầm Sơn Triệu	684.882.736	887.411.358
Dự án hầm E'a Trang	203.457.930	58.748.460
Dự án khác	-	1.789.334.541
Cộng	101.380.306.427	62.713.968.256

(*) Là dự án mà Công ty làm tổng thầu theo Hợp đồng tổng thầu EPC 1102-1/2022 với Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ và các phụ lục, trong đó, phụ lục mới nhất có hiệu lực là Phụ lục số 09-1102-1/2022/HĐTT ngày 01/06/2024. Giá trị hợp đồng tạm tính là 450,04 tỷ VND. Giá trị khối lượng đã được nghiệm thu là 60,459 tỷ VND, dự kiến hoàn thành vào quý 4 năm 2026.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	45.344.957.658	15.555.930.999	581.135.211	61.482.023.868
Mua trong năm	178.074.075	-	-	178.074.075
Số cuối năm	45.523.031.733	15.555.930.999	581.135.211	61.660.097.943
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	18.825.102.338	7.485.930.999	493.181.575	26.804.214.912
Chờ thanh lý	3.237.054.523	-	364.108.848	3.601.163.371
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	25.734.568.544	9.080.406.805	531.480.730	35.346.456.079
Khấu hao trong năm	4.905.685.016	807.000.000	19.825.608	5.732.510.624
Số cuối năm	30.640.253.560	9.887.406.805	551.306.338	41.078.966.703

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	19.610.389.114	6.475.524.194	49.654.481	26.135.567.789
Số cuối năm	14.882.778.173	5.668.524.194	29.828.873	20.581.131.240
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại 19.546.410.666 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng.

9. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Website, logo	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	114.000.000	361.455.000
Số cuối năm	209.455.000	38.000.000	114.000.000	361.455.000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	209.455.000	38.000.000	-	247.455.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	202.473.130	38.000.000	5.985.000	246.458.130
Khấu hao trong năm	6.981.870	-	11.400.000	18.381.870
Số cuối năm	209.455.000	38.000.000	17.385.000	264.840.000
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	6.981.870	-	108.015.000	114.996.870
Số cuối năm	-	-	96.615.000	96.615.000
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Phải trả người bán

10a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	40.717.004.087	40.125.692.087
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	32.536.863.329	31.945.551.329
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
Phải trả các nhà cung cấp khác	24.257.626.359	12.763.772.095
Cộng	64.974.630.446	52.889.464.182

10b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	1.722.356.850	1.722.356.850
Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	1.905.828.450	1.799.562.479
Công ty TNHH Hòa Hiệp	-	1.588.606.000
Các nhà cung cấp khác	3.306.003.703	6.033.557.496
Cộng	6.934.189.003	11.144.082.825

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý dự án 85	6.132.822.900	57.788.210.900
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	9.352.442.998	-
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ	2.200.000.000	-
Các khách hàng khác	1.071.890.191	967.686.191
Cộng	18.757.156.089	58.755.897.091

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa ^(*)	-	2.063.175.169	-	(1.113.558.822)	-	3.176.733.991
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.413.975.228	-	1.905.857.776	(2.408.486.731)	2.911.346.273	-
Thuế thu nhập cá nhân	913.183.526	-	793.029.968	(695.652.459)	1.010.561.035	-
Thuế tài nguyên	-	-	60.858.798	(60.858.798)	-	-
Phí bảo vệ môi trường	-	-	31.878.418	(33.492.558)	-	1.614.140
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Các khoản phải nộp khác	110.599.552	-	583.454.629	(330.395.831)	363.658.350	-
Cộng	4.437.758.306	2.063.175.169	3.378.079.589	(4.645.445.199)	4.285.565.658	3.178.348.131

(*) Toàn bộ số thuế đã nộp trong năm là thuế vãng lai nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng. Thuế giá trị gia tăng hoạt động xây dựng thực hiện tại các tỉnh khác với trụ sở chính phải nộp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng. Số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng sẽ được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.458.426.021	4.397.790.716
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.070.862.859	3.014.905.721
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.429.881.983	3.851.064.051
Lãi phạt chậm nộp thuế, BHXH, các khoản phạt	646.361.561	518.594.038
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	234.000.000	234.000.000
Khấu hao TSCĐ (xe ô tô)	647.000.000	668.250.000
Lỗ CLTG do đánh giá lại khoản mục tiền cuối năm	-	1.357.520
Lãi CLTG do đánh giá lại khoản mục tiền và phải thu năm trước	-	316.050.285
Hoàn nhập lãi dự thu tiền gửi năm trước	836.158.330	996.464.568
Công nợ phải trả người bán quá hạn thanh toán	-	583.484.737
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	66.362.092	532.862.903

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản điều chỉnh giảm	(359.019.124)	(836.158.330)
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cuối năm	(359.019.124)	(836.158.330)
Thu nhập tính thuế	9.529.288.880	7.412.696.437
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.905.857.776	1.482.539.287

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với giá tính thuế là 60.000 VND/m³ x thuế suất (7%) x Sản lượng

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với mức 2.000 VND/m³ x Sản lượng x Hệ số (1,1)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	51.346.187	25.374.715
Trích trước chi phí công trình	15.906.842.001	16.619.249.635
Cộng	15.958.188.188	16.644.624.350

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	220.098.680	70.821.340
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	413.577.480	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.073.103.671	260.049.542
Cộng	1.706.779.831	330.870.882

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	8.698.471.321	8.698.471.321
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.074.471.321	2.074.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	6.624.000.000	6.624.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	37.051.103.283	9.441.270.858
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱ⁾	37.051.103.283	9.441.270.858
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.600.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Quang ⁽ⁱⁱ⁾	3.600.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.15b)	2.814.000.000	3.945.600.000
Cộng	52.163.574.604	22.085.342.179

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An để thanh toán chi phí thi công gói thầu số 11-XL “Thi công xây dựng Đoạn KM 0+200- KM19+800”, Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn – Chí Thạnh thuộc Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 và gói thầu số XL02 “Thi công xây dựng Đường dẫn cửa hầm, quảng trường và một phần hầm Ea Trang 1 từ hướng phía Đông” thuộc “Dự án thành phần 2 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật giai đoạn 1”, hạn mức cho vay không vượt 40 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất 6%-6,8%/năm theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và 5.591.200 cổ phiếu CMS thuộc sở hữu của ông Phạm Minh Phúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- (ii) Khoản vay cá nhân theo hợp đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 6 tháng, lãi suất từ 0% - 7,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	8.698.471.321	-	-	-	8.698.471.321
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.441.270.858	57.369.911.671		(29.760.079.246)	37.051.103.283
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	21.295.000.000	-	(17.695.000.000)	3.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.945.600.000	-	1.370.000.000	(2.501.600.000)	2.814.000.000
Số cuối năm	22.085.342.179	79.664.911.671	1.370.000.000	(50.956.679.246)	52.163.574.604

15b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	-	102.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱ⁾	136.119.404.801	7.372.000.000
Đầu tư máy móc thiết bị	6.104.000.000	7.372.000.000
Hợp tác đầu tư dự án Bất động sản	130.015.404.801	-
Cộng	136.119.404.801	7.474.000.000

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay ngày 29/08/2022 và ngày 14/6/2023 để thanh toán các chi phí đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty là các máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và 5.591.200 cổ phiếu CMS thuộc sở hữu của ông Phạm Minh Phúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Hợp đồng vay ngày 04/09/2024, hạn mức 230 tỷ đồng, để thanh toán các chi phí đầu tư Dự án Cầm Khê Central Park theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có), lãi suất 8%/năm áp dụng trong vòng 12 tháng, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh của Công ty từ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng ngày 28/01/2022 để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.814.000.000	3.945.600.000
Trên 1 năm đến 5 năm	136.119.404.801	7.474.000.000
Cộng	138.933.404.801	11.419.600.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.474.000.000	3.535.600.000
Số tiền vay phát sinh	130.015.404.801	10.560.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(2.676.000.000)
Số kết chuyển	(1.370.000.000)	(3.945.600.000)
Số cuối năm	136.119.404.801	7.474.000.000

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	254.525.000.000	(441.950.000)	638.211.983	254.721.261.983
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.915.251.429	2.915.251.429
Số dư cuối năm trước	254.525.000.000	(441.950.000)	3.553.463.412	257.636.513.412
Số dư đầu năm nay	254.525.000.000	(441.950.000)	3.553.463.412	257.636.513.412
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.552.568.245	5.552.568.245
Số dư cuối năm nay	254.525.000.000	(441.950.000)	9.106.031.657	263.189.081.657

16b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.452.500	25.452.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	25.452.500	25.452.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.452.500	25.452.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

17a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	223,95	267,66
Euro (EUR)	0,18	22,90
Kíp Lào (LAK)	407.721,80	1.193.721,80
Baht Thái Lan (THB)	2.513,31	2.783,31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Nợ đã xóa sổ

Nợ đã xóa sổ bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả liên quan đến chủ đầu tư và nhà thầu phụ công trình dự án Thủy điện Sông Bạc, phát sinh lâu ngày, không thực hiện được thủ tục đối chiếu, thanh toán. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	13.927.265.023	13.927.265.023
Trả trước nhà cung cấp		
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix	264.820.000	264.820.000
Cộng	14.192.085.023	14.192.085.023
Phải trả nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt	1.321.590.557	1.321.590.557
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	1.120.314.660	1.120.314.660
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	316.088.850	316.088.850
Cộng	8.796.820.019	8.796.820.019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.598.347.557	5.038.035.780
Doanh thu cung cấp dịch vụ	240.000.000	122.918.703
Doanh thu hợp đồng xây dựng	199.072.831.979	92.151.053.952
Cộng	201.911.179.536	97.312.008.435

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp	2.598.347.557	4.851.920.786
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	185.189.037.062	83.054.458.245
Cộng	187.787.384.619	87.906.379.031

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	783.662.385	3.022.738.369
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	137.894.089	13.629.498
Lãi tiền cho vay	132.997.315	569.801.170
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	69.870
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	381.553	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	1.200.000.000
Cộng	1.054.935.342	4.806.238.907

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.469.960.527	2.317.445.173
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	60.682.125
Chi phí khác	-	182.428.000
Cộng	2.469.960.527	2.560.555.298

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.252.058.832	5.187.889.048
Chi phí vật liệu quản lý	101.803.836	67.362.590
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.643.855.630	1.173.700.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	834.874.146	932.433.764
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.531.286.554	3.195.192.939
Các chi phí khác	239.417.822	764.099.160
Cộng	11.606.296.820	11.323.677.663

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lợi ích từ tiền đặt cọc Hợp đồng khung số 19/2022	6.721.183.609	4.466.142.561
Thu thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	-	288.203.205
Thu từ bảo hiểm bồi thường	667.383.347	-
Thu nhập khác	23.681.987	269.203.688
Cộng	7.412.248.943	5.023.549.454

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt thuế, chậm nộp bảo hiểm	649.277.288	518.594.038
Giá trị của vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý	-	248.703.379
Chi phí khác	407.018.546	186.096.671
Cộng	1.056.295.834	953.394.088

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.659.995.635	43.023.692.409
Chi phí nhân công	28.997.518.147	17.698.699.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.750.892.494	6.111.063.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.581.674.318	77.717.940.628
Chi phí khác	9.471.591.459	3.602.013.254
Cộng	235.461.672.053	148.153.409.306

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi nhập gốc	305.385.215	404.913.284

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng cho Ông Phạm Minh Phúc	-	417.690.702
Tạm ứng cho Ông Kim Ngọc Nhân	-	65.000.000
Tạm ứng cho Ông Trần Văn Trung	-	1.555.000.000
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	1.579.368.090	1.860.959.700
Tạm ứng cho Bà Đinh Thị Thủy	22.635.711.000	9.576.824.000
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Văn Phi	-	6.733.000.000
Trả tiền vay cho Ông Nguyễn Đức Hường	-	11.000.000.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị dùng 5.591.200 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH (mã CMS) thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCM Công thương Việt Nam, chi nhánh Thành An.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương và các khoản khác	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ Thành viên UBKT	661.905.000	180.000.000	841.905.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	722.905.000	18.000.000	740.905.000
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT/ Thành viên UBKT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT độc lập/ Chủ tịch UBKT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	402.470.000	-	402.470.000
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	626.700.000	-	626.700.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	623.600.000	-	623.600.000
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	644.700.000	-	644.700.000
Cộng		3.682.280.000	252.000.000	3.934.280.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Tiền lương và các khoản khác	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm trước				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ Thành viên UBKT	616.000.000	180.000.000	796.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	667.000.000	18.000.000	685.000.000
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT	119.200.000	18.000.000	137.200.000
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT/ Thành viên UBKT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQTđộc lập/ Chủ tịch UBKT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	384.000.000	-	384.000.000
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	510.800.000	-	510.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	497.600.000	-	497.600.000
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	618.800.000	-	618.800.000
Cộng		3.413.400.000	252.000.000	3.665.400.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Lomore Nha Trang	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Lomore Phan Thiết	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5; V.10 và V.15.

2. Đối tác quan trọng

Đối tác quan trọng của Công ty là Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Thông tin về các Hợp đồng đã ký kết với đối tác quan trọng được trình bày tại các thuyết minh số V.2b, V.3, V.5 và V.7.

Giao dịch với đối tác quan trọng

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với đối tác quan trọng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu Hợp đồng tổng thầu EPC	-	16.442.877.019
Lợi ích từ tiền đặt cọc	6.721.183.609	7.223.575.990
Chuyển tiền đặt cọc	46.886.000.000	6.770.000.000
Góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư	130.015.404.801	-

Công nợ với đối tác quan trọng

Công nợ với đối tác quan trọng được trình bày tại các thuyết minh số V.3; V.5 và V.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Căn cứ kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam thời kỳ năm 2022 đến năm 2023 theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 19/6/2024, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 37473/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC ngày 24/6/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Theo đó, Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 liên quan đến nghĩa vụ thuế như sau:

- Điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ, số tiền 1.925.953.106 VND (trong đó: thuế GTGT bị truy thu năm 2023: 97.672.879 VND và năm 2022: 224.096.697 VND; thuế GTGT chưa kê khai: 1.604.183.530 VND);
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu, số tiền 1.241.929.892 VND (trong đó năm 2023: 180.790.193 VND và năm 2022: 1.061.139.699 VND);
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập cá nhân bị truy thu, số tiền 359.970.629 VND;
- Điều chỉnh tăng khoản chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền 110.599.552 VND.

Ảnh hưởng của việc trình bày lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản ngắn hạn	100	335.743.425.883	(321.769.576)	335.421.656.307
Phải thu ngắn hạn khác	136	143.400.542.806	1.604.183.530	145.004.726.336
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10.971.623.906	(1.925.953.106)	9.045.670.800
Tổng tài sản	270	434.957.272.747	(321.769.576)	434.635.503.171
Nợ ngắn hạn	310	157.028.377.490	1.352.529.444	158.380.906.934
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	2.725.258.233	1.712.500.073	4.437.758.306
Phải trả ngắn hạn khác	319	690.841.511	(359.970.629)	330.870.882
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	259.310.812.432	(1.674.299.020)	257.636.513.412
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.227.762.432	(1.674.299.020)	3.553.463.412
Tổng nguồn vốn	440	434.957.272.747	(321.769.576)	434.635.503.171
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí khác	32	745.121.657	208.272.431	953.394.088
Lợi nhuận khác	40	4.278.427.797	(208.272.431)	4.070.155.366
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.606.063.147	(208.272.431)	4.397.790.716
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.301.749.094	180.790.193	1.482.539.287
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.304.314.053	(389.062.624)	2.915.251.429
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	4.606.063.147	(208.272.431)	4.397.790.716
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	24.331.661.519	97.672.879	24.429.334.398
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(10.337.378.676)	110.599.552	(10.226.779.124)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 21 tháng 2 năm 2025

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

